TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/KDTM-ST
Ngày: 18 – 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Trung

2. Ông Trần Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bích Trăm – Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ *tham gia phiên toà*: Ông Lê Thanh Tưởng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/TL.ST-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 18/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn P;

Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ I, khu vực Q, phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ (nay là Quốc lộ I, khu vực Q, phường T, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T- chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Hải L – Sinh năm: 1978;

Địa chỉ: G L, khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là G, khu vực T, phường H, Thành phố Cần Thơ).

2. Bà Lê Thị Phương T1 – Sinh năm: 1999;

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện C, Thành phố Cần Thơ (nay là Ấp F, xã T, Thành phố Cần Thơ).

- *Bị đơn*: Hợp tác xã N.

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Minh H, sinh năm 1993 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ)..

Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn P (sau đây gọi tắt là Công ty P) và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hải L, bà Lê Thị Phương T1 trình bày như sau:

Công ty P có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 477/23-24/HĐMB.PN ngày 19/9/2023 với Hợp tác xã N (sau đây gọi tắt là Hợp tác xã N) do ông Lý Minh H là người đại diện theo pháp luật. Theo đó, Công ty P bán cho Hợp tác xã N các loại thuốc bảo vệ thực vật. Giá bán, số lượng hàng hóa, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán, thời hạn tính lãi được thể hiện trong Hợp đồng số 477/23-24/HĐMB.GM.

Căn cứ Bảng tính lãi phát sinh theo hợp đồng số 002/BLPS/HG098 giữa Công ty P và Hợp tác xã G đến ngày 17/11/2024 thì Hợp tác xã N thừa nhận nợ Công ty P nợ gốc: 162.586.928 đồng và lãi là 7.615.096 đồng. Đại diện Hợp tác xã N đã cam kết đến ngày 10/01/2025 sẽ thanh toán cho Công ty P 100.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán cho Công ty P vào tháng 02 và tháng 03/2025 nhưng không thực hiện. Công ty P yêu cầu giải quyết buộc Hợp tác xã N trả cho Công ty P tổng số tiền là 170.202.024 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2025, đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã N là ông Lý Minh H trình bày: Ngày 19/9/2023, tôi có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 477/23-24/HĐMB.GM với Công ty P, loại hàng hóa mua bán là thuốc bảo vệ thực vật. Tính đến ngày 17/11/2024 tôi còn nợ Công ty P số tiền gốc là 162.586.928 đồng và nợ lãi là 7.615.096 đồng. Tôi có ký cam kết đến ngày 10/01/2025 sẽ thanh toán cho Công ty P 100.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán cho Công ty P vào tháng 02 và tháng 03/2025 nhưng tôi không có khả năng trả. Qua yêu cầu khởi kiện của Công ty P buộc tôi trả số tiền 170.202.024 đồng thì tôi đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả nợ dần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn tại phiên toà vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty P khởi kiện yêu cầu bị đơn Hợp tác xã N trả tiền nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa. Hợp tác xã N có địa chỉ tại thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, thành phố Cần Thơ). Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, ký kết hợp đồng với nhau đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, có căn cứ xác định là vụ án kinh doanh thương mại về: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ).

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giữa Công ty P và Hợp tác xã N có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 477/23-24/HĐMB.PN ngày 19/9/2023. Theo đó, Công ty P bán cho Hợp tác xã N các loại thuốc bảo vệ thực vật. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P cho rằng Hợp tác xã N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc Hợp tác xã N trả cho Công ty P tổng số tiền là 170.202.024 đồng (trong đó nợ gốc là 162.586.928 đồng và lãi là 7.615.096 đồng). Quá trình giải quyết vụ án, ông Lý Minh H là đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã N thừa nhận có ký kết hợp đồng, thừa nhận còn nợ và đồng ý trả Công ty P số tiền gốc và lãi như Công ty P yêu cầu. Xét thấy việc thừa nhận nợ của Hợp tác xã N đối với Công ty P là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Hợp tác xã Gia M đồng ý trả khoản nợ theo yêu cầu khởi kiện của

Công ty P là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Hợp tác xã N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 8.510.101 đồng

[5] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 24, khoản 5 Điều 297 của Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn P đối với Hợp tác xã N.

Buộc Hợp tác xã N có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P số tiền là 170.202.024 (Một trăm bảy mươi triệu hai trăm lẻ hai ngàn không trăm hai mươi bốn) đồng, (trong đó nợ gốc là 162.586.928 đồng và lãi là 7.615.096 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Hợp tác xã N phải chịu 8.510.101 (Tám triệu năm trăm mười ngàn một trăm lẻ một đồng) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005119 ngày 14/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng T2

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 14 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồng Thanh